TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 406/2020/DS-PT
Ngày: 24-11-2020
V/v tranh chấp
hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Trịnh Thị Phúc

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 432/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 468/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Đặng Thị Tuyết M – Bị đơn; ông Nguyễn Thanh T1 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01-7-2020, nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông T có tham gia vào tổ chơi hụi góp vốn xoay vòng của tổ trưởng bà Đặng Thị Tuyết M cùng chồng là ông Nguyễn Thanh T1. Với 3 phần góp vốn xoay vòng như sau:

1. Ngày 30-08-2016 ông T cùng các chị em có góp vốn xoay vòng theo vụ lúa là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Ông tham gia đóng hụi đầy đủ cho đến khi mãn hụi. Số tiền ông hốt được khi hụi mãn là 65.000.000 đồng nhưng bà M, ông T1 chưa giao tiền cho ông.

2. Năm 2019, có cùng các chị em góp vốn xoay vòng theo tháng với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng chẵn). Ông tham gia đóng hụi đầy đủ cho đến khi mãn hụi. Số tiền ông hốt được khi hụi mãn là là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng) nhưng bà M, ông T1 chưa giao tiền cho ông..

3. Ngày 02-7-2018, ông T cùng các chị em có góp vốn xoay vòng theo vụ lúa là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), mới xoay vòng được 4 người thì bà M kêu chốt hụi, hoàn lại cho các chị em số tiền đã đóng là 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) nên số tiền ông được nhận lại là 14.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà M, ông T1 cũng chưa trả số tiền này.

Ngày 30-01-2020, ông có đến yêu cầu bà M và ông T1 tính tiền nợ hụi, bà M và ông T1 đã thống nhất lập biên nhận nợ tổng số tiền của 3 phần hụi góp vốn xoay vòng số tiền là 101.000.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu đồng). Bà M và ông T1 có đồng ý trả tiền theo định kỳ: Kỳ 1: Ngày 20 tháng 02 năm 2020; kỳ 2: Ngày 20 tháng 04 năm 2020 và kỳ 3: ngày 20 tháng 06 năm 2020.

Tuy nhiên, mỗi lần đến kỳ hẹn thì vợ chồng bà M chỉ hứa hẹn mà không trả cho ông T. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đặng Thị Tuyết M phải trả cho ông T số tiền là 101.000.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu đồng).

Bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T1 trình bày:

Bà M và ông T1 có làm đầu thảo hụi, ông Trần Văn T tham gia 03 đầu hụi. Có đầu hụi mãn nhưng cũng có đầu chưa mãn. Bà M và ông T1 thống nhất số tiền hụi mà bà M, ông T1 thiếu ông T là là 101.000.000 đồng. Bà M và ông T1 đồng ý trả cho ông T số tiền 101.000.000 đồng. Về thời gian trả, bà M và ông T1 xin trả dần cho ông T. Nếu vợ chồng bà M không trả đúng thì ông T có quyền yêu cầu trả toàn bộ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Văn T số tiền là 101.000.000 đồng *(Một trăm lẻ một triệu đồng)*.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09-9-2020, bị đơn Bà Đặng Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin giảm án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày: Ông không đồng ý cho bà M và ông T1 trả dần.

Bị đơn bà Bà Đặng Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T1 trình bày: Xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin giảm án phí.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Bà M và ông T1 xin trả dần mỗi tháng 10.000.000 đồng nhưng ông T không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận; bà M và ông T1 xin giảm án phí nhưng không có căn cứ để giảm. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà M và ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông T có tham gia vào tổ chơi hụi góp vốn xoay vòng của tổ trưởng bà Đặng Thị Tuyết M cùng chồng là ông Nguyễn Thanh T1. Với 03 phần góp vốn xoay vòng, ông T đã góp hụi như sau: Ngày 30-08-2016: 65.000.000 đồng; Năm 2019: 22.000.000 đồng và ngày 02-7-2018: 14.000.000 đồng, tổng cộng là 101.000.000 đồng.

[2] Ông T có cung cấp bản danh sách tổ hùng vốn làm ăn, biên nhận nợ do bà M và ông T1 ký tên. Tại phiên tòa, ông T1 và bà M đều thống nhất số tiền còn nợ ông T số tiền hụi là 101.000.000 đồng theo biên nhận nợ hụi mà bà M và ông T1 đã lập ngày 30-01-2020 và cũng đồng ý trả nợ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T. Buộc bà Đặng

Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn T số tiền là 101.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng xin trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng ông T không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà M và ông T1; bà M ông T1 còn xin giảm án phí nhưng không thuộc diện theo quy định tại các điều 11, 12 và 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà M và ông T1 là có căn cứ.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà M và ông T1 kháng cáo nên mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 70/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn T.

Buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Văn T số tiền góp hụi là 101.000.000 đồng *(Một trăm lẻ một triệu đồng).*

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 phải liên đới chịu 5.050.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Ông Trần Văn T không phải chịu án phí nên được hoàn trả 2.525.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0001031 ngày 13-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ số tiền 600.000 đồng theo biên lai số 0001143 và biên lai số 0001147 cùng ngày 16-9-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh để thi hành án phí.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thu